

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NL
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 9 - 2020

V/v Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp
nuôi con sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NL TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Ngọc Biên

Ông Bùi Trung Thành

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 về Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên toà số 37/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Quách Thị TH; sinh năm: 1987; HKTT: Phố A, xã Q(nay là thị trấn NL), huyện NL, tỉnh Thanh Hoá; chỗ ở hiện nay: Đường A, khu phố X, thị trấn NL, huyện NL, tỉnh Thanh Hoá.

- Bị đơn: Anh Lê Quang N; sinh năm: 1985; HKTT: Phố 1, xã Q(nay là thị trấn NL), huyện NL, tỉnh Thanh Hoá; chỗ ở hiện nay: Phố A, thị trấn NL, huyện NL, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà có mặt chị TH, anh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Quách Thị TH trình bày: Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 163/2019/QĐST-HNGĐ ngày

20/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá quyết định giao cháu Lê Quang Tuấn **K**, sinh ngày 22/9/2006 và cháu Lê Thị Ngọc **NH**, sinh ngày 28/12/2010 cho anh **N** trực tiếp nuôi dưỡng, chị **TH** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 11/2019 cho đến khi các cháu thành niên. Nhưng nay do chị đã có công việc ổn định, có khả năng nuôi dạy con cái, còn anh **N** đã nhận nuôi dưỡng 02 cháu mà không quan tâm chăm sóc dạy dỗ các cháu. Anh **N** tụ tập chơi bời với các thành phần liên quan đến tệ nạn xã hội, chị sợ sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của các cháu. Mỗi lần chị đến thăm con, anh **N** đều chửi bới, thậm chí đánh đập dọa nạt chị **NH**ều lần. Sau thời gian ly hôn, chị xét thấy anh **N** không có công việc ổn định và anh giao hai cháu cho mẹ là bà Lê Thị Ánh nuôi dưỡng. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Quang Tuấn **K** và cháu Lê Thị Ngọc **NH**, không yêu cầu anh **N** phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa, chị trình bày: chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **NH**, giao cháu **K** cho anh **N** trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh **N** phải cấp dưỡng nuôi cháu **NH**, chị vẫn tiếp tục cấp dưỡng nuôi cháu **K** mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Tại phiên tòa, bị đơn là anh Lê Quang **N** trình bày: Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 163/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá quyết định giao cháu Lê Quang Tuấn **K**, sinh ngày 22/9/2006 và cháu Lê Thị Ngọc **NH**, sinh ngày 28/12/2010 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chị **TH** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 11/2019 cho đến khi các cháu thành niên. Nhưng sau đó chị **TH** không gửi tiền cấp dưỡng nuôi con chung theo như Quyết định. Khi ly hôn thì chị **TH** bỏ mặc các cháu cho anh nuôi dưỡng, chị **TH** không đủ khả năng nuôi con. Anh không đồng ý giao con chung cho chị **TH** trực tiếp nuôi dưỡng. Anh yêu cầu tiếp tục thực hiện theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 163/2019/QĐST-HNGĐ.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị **TH** đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, anh **N** không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu của chị Quách Thị **TH**: Giao cháu Lê Quang Tuấn **K**, sinh ngày 22/9/2006 cho anh **N** tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lê Thị Ngọc **NH**, sinh ngày 28/12/2010 cho chị **TH** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **N** không phải cấp dưỡng nuôi cháu **NH**. Chị **TH** tiếp tục cấp dưỡng nuôi cháu **K** mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 163/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20/11/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh Lê Quang **N** không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh **N** theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Anh **N** đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh **N** đều không đến để tham gia hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Toà án đã tiến hành lấy ý kiến, nguyện vọng của các cháu Lê Quang Tuấn **K** và Lê Thị Ngọc **NH**, tuy **NH** các cháu không trình bày nguyện vọng các cháu muốn ở với ai.

[2] Về nội dung vụ án: Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 163/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá quyết định giao cháu Lê Quang Tuấn **K** và cháu Lê Thị Ngọc **NH** cho anh **N** trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị **TH** trình bày anh **N** gửi hai cháu cho mẹ là bà Lê Thị Ánh nuôi dưỡng, tuy **NH** chị không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh nội dung trên. Theo Biên bản xác minh ngày 06/8/2020, bà Ánh trình bày: “Từ khi anh **N** ly hôn thì anh **N** trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu **K** và **NH**, anh **N** và các cháu sống riêng, không sống chung với bà, thỉnh thoảng anh **N** đi vắng thì các cháu vào ăn cơm với bà”. Từ đó xác định, hiện anh **N** vẫn đang trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu **K** và **NH**.

Theo Kết luận kiểm tra, xác minh vụ việc ngày 30/01/2020 của Công an thị trấn **NL**: Khi chị **TH** dẫn cháu **NH** đi mua quần áo, anh **N** đã có hành vi dùng tay tát chị **TH**, công an thị trấn **NL** đã quyết định xử lý vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo đối với anh **N**. Thể hiện, trong thời gian anh **N** trực tiếp nuôi dưỡng các cháu, chị **TH** đến thăm gặp các cháu thì anh **N** đã cản trở và có hành vi đánh chị **TH** là đã vi phạm vào khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, nội dung này cũng đã được ghi nhận trong Quyết định số 163/2019/QĐST-HNGĐ.

Đối với quan điểm “Anh **N** tự tập chơi bời với các thành phần liên quan đến tệ nạn xã hội” nhưng chị **TH** không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh nội dung trên nên không có căn cứ xem xét.

Ngoài ra, anh **N** đang bị cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện **NL** khởi tố về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Đối với quan điểm của anh **N**: “chị **TH** không gửi tiền cấp dưỡng nuôi con chung theo như Quyết định”. Tuy chị **TH** không đưa trực tiếp tiền cấp dưỡng nuôi các cháu cho anh **N**, nhưng chị **TH** cũng đã đóng tiền học, mua quần áo cho các cháu. Ngoài ra, anh **N** có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự huyện **NL**, tỉnh

Thanh Hoá để buộc chị **TH** phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo đúng quy định.

Hiện tại chị **TH** cũng đã có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định, có đủ khả năng để trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Từ các lý do nêu trên, nghĩ nên căn cứ Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị **TH**: giao cháu **NH** cho chị **TH** trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu **K** cho anh **N** tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận ý kiến của chị **TH**, anh **N** không phải cấp dưỡng nuôi cháu **NH**. Chị **TH** tiếp tục cấp dưỡng nuôi cháu **K** mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 163/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20/11/2019.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của chị **TH** được chấp nhận nên anh **N** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Số tiền tạm ứng án phí chị **TH** đã nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện **NL** sẽ được trả lại cho chị **TH**.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; 271; 273 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Quách Thị **TH**: Giao cháu Lê Quang Tuấn **K**, sinh ngày 22/9/2006 cho anh **N** tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lê Thị Ngọc **NH**, sinh ngày 28/12/2010 cho chị **TH** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **N** không phải cấp dưỡng nuôi cháu **NH**. Chị **TH** tiếp tục cấp dưỡng nuôi cháu **K** mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 163/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá.

Chị **TH**, anh **N** có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2. Về án phí: Anh Lê Quang **N** phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho chị **TH** 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện **NL**, theo biên lai số AA/2019/0011804 ngày 28/5/2020.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị **TH**, anh **N**. Chị **TH**, anh **N** có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Phạm Ngọc Biên

Bùi Trung Thành

Nguyễn Thanh Tân

